TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 649/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2019
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Mộng D – Kiểm Sát Viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1543/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST – HPT ngày 01/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Lý Thái Tổ, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Đình Chiểu, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Đào Hùng S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Lý Thái Tổ, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày như sau:

Bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Đào Hùng S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2014, số 99/2014 ngày 01/12/2014. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Đào Anh D, sinh ngày 18/12/2016.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông S ham mê cờ bạc và có người đàn bà khác. Hiện nay bà và ông S đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S để bà tập trung vào công việc và nuôi con.

- Về con chung: Bà yêu cầu được giữ nuôi con chung là Đào Anh D, sinh ngày 18/12/2016. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Hùng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo hòa giải và giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà D có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đào Hùng S có địa chỉ tại số Lý Thái Tổ, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Đ có "Đơn xin xét xử vắng mặt" về việc yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Đào Hùng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Đào Hùng S.

[2]Về hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn quyển số 01/2014, số 99/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2014 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Đào Hùng S là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, căn cứ phiếu xác minh của Công an Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết hiện tại ông Đào Hùng S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 166/1/10A Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không có mặt tại địa phương.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 1 - Quận 3, bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Đào Hùng S đã không còn sinh sống tại địa chỉ 166/1/10A Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được.

Đồng thời, ông S cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà D, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và không thể hiện có thiện chí hòa giải. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông S.

[3] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 17/2017 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3 cấp ngày 10/02/2017 mang tên trẻ Đào Anh D (trích lục bản sao giấy khai sinh số 62/TLKS – BS ngày 10/02/2017) có cha là ông Đào Hùng S và mẹ là bà Trần Thị Ngọc Đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà D đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Duy và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*"

Tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"...Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển..."*

Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên....*

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà D là người phù hợp nhất để nuôi cháu Duy, bởi lẽ bà D là người gần gũi và có đủ điều kiện chăm sóc con trẻ, trẻ còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc giao cháu Duy cho bà D nuôi dưỡng.

Bà D tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà D không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Đ.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Đào Hùng S.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Đào Anh D, sinh ngày 18/12/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà D không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông S được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0021567 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Trần Thị Ngọc Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Đ, bị đơn ông Đào Hùng S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**